

Số: /KH-UBND

Tuần Giáo, ngày tháng 6 năm 2021

KẾ HOẠCH

Xây dựng phát triển các lĩnh vực ngành Thông tin và Truyền thông trên địa bàn huyện Tuần Giáo năm 2022

Thực hiện Công văn số 763/STTTT- KHTC ngày 09/6/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển lĩnh vực Thông tin và Truyền thông năm 2022;

UBND huyện Tuần Giáo ban hành Kế hoạch phát triển các lĩnh vực ngành Thông tin - Truyền thông trên địa bàn huyện Tuần Giáo năm 2022, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021; KHẢ NĂNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2021

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

1. Những kết quả nổi bật

1.1. Bưu chính

- Trên địa bàn huyện có 03 doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ bưu chính (Bưu điện huyện, ViettelPost, J&T Express) trong đó 03 doanh nghiệp cung ứng cả chiều đi và chiều đến và 03 doanh nghiệp cung ứng chiều đến. Toàn huyện có 22 điểm phục vụ bưu chính: Trong đó, có 03 bưu cục cấp II, 18 điểm bưu điện văn hóa xã (trong đó có 18 điểm bưu điện văn hóa xã đa dịch vụ và đã được xây dựng kiên cố), 1 điểm phục vụ khác.

- Chỉ tiêu bán kính phục vụ bình quân đạt 04 km/điểm phục vụ, số dân phục vụ bình quân 4.300 người/điểm phục vụ; 18/18 xã có báo Đảng đọc trong ngày (*đạt tỷ lệ 100%*).

- Việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ:

+ Số TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI 02 TTHC đạt (1,2 %).

+ Số hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI: 0 hồ sơ, đạt 0 %.

+ Số kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI: 106, đạt 100%.

Tổng doanh thu bưu chính 6 tháng đầu năm 2021 ước đạt 1.320 triệu đồng (đạt 102% so với cùng kỳ năm 2020).

1.2. Viễn thông, internet

- *Dịch vụ viễn thông*: Trên địa bàn có 03 nhà cung cấp (Vinaphone, VNPT Điện Biên, Viettel) với tổng số vị trí trạm thu, phát sóng thông tin di động (BTS) là 88 trạm (tăng 01 trạm so với cùng kỳ năm 2020). 19/19 xã, thị trấn được phủ sóng di động 3G, 4G (đạt tỷ lệ 100 %). Toàn huyện có 55.572 thuê bao điện thoại, đạt 62,4 thuê bao/100 dân (giảm 1.300 thuê bao so với cùng kỳ năm 2020). Trong đó, có 542 thuê bao điện thoại cố định (giảm 5 thuê bao so với cùng kỳ năm 2020), thuê bao di động có 55.030 thuê bao (giảm 1.295 thuê bao so với cùng kỳ năm 2020).

- *Dịch vụ Internet*: Có 02 doanh nghiệp cung cấp, với tổng số thuê bao ước đạt 23.971 thuê bao (tăng 211 thuê bao so với cùng kỳ năm 2020). Số thôn, bản trên địa bàn huyện có dịch vụ truy cập Internet băng rộng cố định mặt đất 177 thôn, bản (đạt 100 %). Mật độ thuê bao internet là 27 thuê bao/100 dân .

- Tổng doanh thu dịch vụ viễn thông - internet 6 tháng đầu năm 2021 ước đạt 24.783 triệu đồng (tăng 83% so với cùng kỳ năm 2020)

1.3. Công nghệ thông tin

** Ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn:*

- Toàn huyện có 02 máy chủ, 195 máy trạm; tỷ lệ máy tính/cán bộ CCVC trong các cơ quan nhà nước là 100%. Tỷ lệ máy tính có kết nối Internet đạt 100%. Có 100% xã được kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

- Tỷ lệ cán bộ CCVC thường xuyên sử dụng thư điện tử trong công việc đạt 100%. Trong đó, cấp huyện đạt 100%, cấp xã đạt 100%.

- Tổng số xã trên địa bàn huyện có hệ thống hội nghị trực tuyến đáp ứng tiêu chuẩn kết nối liên thông từ tỉnh – huyện – xã và ngược lại: 16 xã (chiếm 84,2%).

- Số dịch vụ hành chính công trực tuyến được cung cấp là 60 (23 DVC mức độ 3 và 27 DVC mức độ 4), (chiếm 20,4% so với tổng số dịch vụ công). Tỷ lệ hồ sơ được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 là 917 hồ sơ.

- Tổng số cán bộ CCVC trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn 160. Trong đó số cán bộ có trình độ tin học từ cao đẳng trở lên 4 người. Tỷ lệ cán bộ CCVC đã qua đào tạo tin học văn phòng 100%. Số lượng cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin là 01 cán bộ.

1.4. Về báo chí, xuất bản, phát thanh truyền hình

- *Về Xuất bản:* Hiện nay trên địa bàn huyện hoạt động xuất bản chủ yếu xuất bản các ấn phẩm là tờ rơi và một số các xuất bản phẩm khác mang tính nhỏ lẻ và thụ động. Trên địa bàn huyện có 03 cơ sở in, 16 cơ sở photocopy.

- *Về phát thanh:* Năm 2021, trên địa bàn có 8 xã có đài truyền thanh cơ sở; 02 trạm phát lại do Trung tâm Văn hóa - Truyền Thanh - Truyền hình huyện quản lý (đạt tỷ lệ 55,5%). Tổng số giờ tiếp, phát sóng phát thanh là 6.570 giờ (đạt 100% so với cùng kỳ năm 2020), trong đó: Số giờ tiếp, phát sóng phát thanh tỉnh là 1095 giờ (đạt 100% so với cùng kỳ năm 2020); số giờ tiếp phát sóng phát thanh tiếng dân tộc tỉnh là 730 giờ (đạt tỷ lệ 100% so với cùng kỳ năm 2020). Số hộ được nghe Đài phát thanh tỉnh là 18.995 (đạt tỷ lệ 99,7%). Số chương trình phát thanh sản xuất 20 chương trình/tháng; Thời lượng chương trình phát thanh 5h/tháng;

- *Về truyền hình:* Số hộ được xem Đài Truyền hình tỉnh là 18.750 hộ (đạt tỷ lệ 98,4 %). Số hộ gia đình có thiết bị xem Truyền hình 14.785 hộ (đạt tỷ lệ 77,63 %).

2. Đánh giá chung

2.1. Kết quả đạt được

- Lĩnh vực Bưu chính

Các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bưu chính, trên địa bàn đã tích cực đổi mới triển khai nhiều dịch vụ tiện ích, giá cả phù hợp; chú trọng đến công tác chăm sóc khách hàng coi đây là chiến lược kinh doanh lâu dài với chất lượng dịch vụ tốt nhất và quyền lợi khách hàng luôn được đặt lên hàng đầu trong chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp.

Hiện nay dịch vụ bưu chính trên địa bàn huyện đã đáp ứng nhu cầu của cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp và người dân.

- Lĩnh vực Viễn thông, internet

Hạ tầng viễn thông, Internet trên địa bàn huyện đã và đang phát triển nhanh, bước đầu đáp ứng được các yêu cầu về thông tin cho phát triển và nhu cầu xã hội. Thực hiện tốt việc phổ cập dịch vụ viễn thông, Internet (điểm bưu điện, văn hoá xã; chương trình đưa Internet đến trường học; dự án Internet cộng đồng); Thông tin di động ngày càng đóng vai trò quan trọng.

- Lĩnh vực Báo chí – Xuất bản

Hoạt động Báo chí – xuất bản đã thực hiện đúng định hướng tuyên truyền, phản ánh các vấn đề phát triển KT - XH, QP - AN ở địa phương; đảm bảo tốt công tác truyền dẫn, phát sóng phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ,

chính quyền huyện đáp ứng nhu cầu nghe, xem truyền hình của nhân dân trên địa bàn huyện.

- Lĩnh vực Công nghệ thông tin

Hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn huyện từng bước được triển khai hiệu quả. Nhận thức về vai trò và lợi ích của CNTT của các tầng lớp nhân dân được nâng cao rõ rệt thông qua các chương trình tuyên truyền, phổ biến dưới các hình thức khác nhau. Trong thực tế, CNTT đã được ứng dụng hiệu quả và trở thành phương tiện không thể thiếu, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công việc; nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; đóng góp một phần quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội của huyện Tuần Giáo nói riêng và của tỉnh Điện Biên nói chung.

Công tác chỉ đạo, điều hành tiếp tục được quan tâm kịp thời, bám sát các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; phù hợp với thực tế phát triển tại huyện. Các văn bản được ban hành có vai trò quan trọng trong định hướng, thúc đẩy ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn huyện. Việc thực hiện xây dựng kiến trúc chính quyền điện tử của huyện là cơ sở định hướng việc triển khai các nhiệm vụ trong các cơ quan nhà nước đồng bộ, hiệu quả, hướng tới xây dựng thành công chính quyền điện tử trên địa bàn huyện Tuần Giáo.

Nhiều nội dung quan trọng được triển khai nhằm đẩy mạnh hoạt động ứng dụng CNTT. Hệ thống một cửa điện tử tích hợp công dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được tiếp tục triển khai đồng bộ, liên thông, thống nhất trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn, phục vụ hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính. Hệ thống hội nghị trực tuyến được khai thác, sử dụng hiệu quả, phục vụ tốt các cuộc họp của huyện. Các phần mềm dùng chung tiếp tục được triển khai, nhân rộng, đảm bảo chất lượng, đáp ứng mục tiêu đề ra. Trình độ CNTT của CBCC được nâng cao đáp ứng yêu cầu công việc.

2.2. Tồn tại hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT của huyện còn tồn tại một số hạn chế:

- Hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT tại một số cơ quan, đơn vị chưa được quan tâm đúng mức. Việc quản lý, điều hành vẫn thực hiện theo phương thức truyền thống sử dụng giấy tờ. Các hệ thống thông tin đã được triển khai nhưng chưa đưa vào khai thác, sử dụng.

- Các hệ thống thông tin được triển khai còn thiếu tính đồng bộ dẫn đến hiệu quả sử dụng chưa cao. Hệ thống hạ tầng CNTT của các cơ quan nhà nước chưa được hoàn thiện. Hệ thống mạng diện rộng của huyện chưa được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh. Trang thiết bị tin học tại một số cơ quan, đơn vị đã xuống cấp chưa được thay thế, nâng cấp kịp thời. Các ứng dụng CNTT chưa được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu. Các cơ sở dữ liệu dùng chung chưa được đưa vào khai thác sử dụng.

- Nhiều cơ quan, đơn vị sử dụng hệ thống mạng kết nối ngang hàng, thiếu các trang thiết bị đảm bảo an toàn thông tin mạng, các hệ thống thông tin còn tồn tại lỗ hổng bảo mật, tiềm ẩn nguy cơ gây mất dữ liệu, lây nhiễm các phần mềm độc hại ảnh hưởng đến ứng dụng và phát triển CNTT.

- Việc sử dụng hòm thư điện tử với tên miền mail@dienbien.gov.vn để trao đổi văn bản điện tử chưa được thường xuyên, vẫn chủ yếu dùng hòm thư công cộng Gmail.com.vn,...

- Việc phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật các lĩnh vực ngành Thông tin truyền thông tại huyện đã được quan tâm đầu tư song ở mức độ còn chậm do nguồn kinh phí chi cho lĩnh vực này còn hạn chế.

- Việc chấp hành thực hiện chế độ báo cáo của các doanh nghiệp bưu chính viễn thông trên địa bàn chưa được thường xuyên và nghiêm túc; nội dung số liệu báo cáo còn mang tính hình thức chưa đầy đủ và chính xác.

2.3. Nguyên nhân

- Nguồn kinh phí trong việc xây dựng và phát triển ứng dụng CNTT trong công tác chỉ đạo điều hành còn hạn chế. Một bộ phận CBCC còn thiếu kỹ năng sử dụng UDCNTT, chưa thay đổi tư duy làm việc từ phương thức truyền thống sang làm việc trên môi trường mạng.

- Nguồn lực đầu tư cho phát triển CNTT trong các cơ quan nhà nước của huyện chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế. Nhiều nhiệm vụ, dự án thực hiện còn chậm do thiếu kinh phí triển khai.

II. DỰ BÁO KHẢ NĂNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2021

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Phần thứ hai

ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC NGÀNH THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG NĂM 2022

I. MỤC TIÊU

- Báo chí, thông tin tuyên truyền đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân, thể hiện dòng chảy chính của xã hội Việt Nam, tạo đồng thuận, niềm tin xã hội góp phần tích cực trong phát triển kinh tế, xã hội của huyện, tỉnh và đất nước; kiên định bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, vì lợi ích dân tộc, đất nước. Tăng cường tính công khai minh bạch thông tin, phát huy mạnh mẽ vai trò của thông tin cơ sở; đảm bảo quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của nhân dân, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường và nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ truyền thông mới, mạng xã hội trong thông tin đối ngoại và đấu tranh dư luận.

- Tham mưu các chương trình, chính sách thúc đẩy ứng dụng và phát triển CNTT và truyền thông; phát triển giao dịch điện tử, chương trình phát triển hạ tầng viễn thông và Internet nhằm xây dựng Chính quyền điện tử trên địa bàn huyện Tuần Giáo.

- Thúc đẩy phát triển lĩnh vực bưu chính theo hướng hạ tầng chuyển phát và hạ tầng Logistic để phục vụ cho phát triển thương mại điện tử và kinh tế số. Cung ứng dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng, tham gia cải cách hành chính và xây dựng chính phủ điện tử.

- Tăng cường giám sát, kiểm tra doanh nghiệp việc đảm bảo chất lượng các dịch vụ bưu chính, Internet, di động, truyền hình; chất lượng công trình trạm BTS. Phối hợp với các ngành có liên quan tạo điều kiện để doanh nghiệp triển khai xây dựng lắp đặt hạ tầng mạng viễn thông và truyền hình cáp.

- Đẩy nhanh xây dựng chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp tới mọi người, mọi lúc, mọi nơi. Thực hiện chuyển đổi số để góp phần nâng cao tốc độ tăng trưởng, năng suất lao động và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế.

1. Thông tin, Báo chí, Xuất bản

- Phát triển các loại hình thông tin theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, chất lượng, hiệu quả, phù hợp với xu thế phát triển khoa học và công nghệ, thông tin, truyền thông thế giới, đáp ứng quyền tiếp cận thông tin của nhân dân, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện, tỉnh, của đất nước. Tăng cường sử dụng công nghệ thông tin, dịch vụ viễn thông, internet để đổi mới cách thức thông tin, tuyên truyền trên địa bàn toàn huyện.

- Chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí nâng cao chất lượng nội dung thông tin, lan tỏa nội dung tích cực, nhất là tại các sự kiện quan trọng của huyện, của tỉnh, đáp ứng nhu cầu thông tin ngày càng cao của nhân dân. Quản lý chặt chẽ hoạt động báo chí, các cơ quan báo, đài đảm bảo hoạt động đúng định hướng, tôn chỉ mục đích của tờ báo. Thực hiện tốt công tác định hướng thông tin truyền thông trên tất cả các lĩnh vực chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh.

- Tăng cường việc thực hiện tuyên truyền, phổ biến, cung cấp thông tin, tiếp nhận và phản hồi ý kiến của người dân trên cổng/trang thông tin điện tử và mạng xã hội của các cơ quan hành chính nhà nước. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật đối với các hoạt động cung cấp và sử dụng thông tin trên mạng xã hội để người dân biết và thực hiện. Đồng thời khuyến nghị người dân khi tham gia mạng xã hội cần thận trọng khai thác các thông tin trên mạng, nhận rõ tính hai mặt của internet và mạng xã hội, phân biệt thông tin giả, xấu độc trên internet, để tránh bị lợi dụng, lừa đảo. Thường xuyên rà soát, phát hiện thông tin sai phạm đăng trên các trang mạng xã hội có liên quan đến huyện để kịp thời xử lý.

- Chú trọng phát triển nhu cầu văn hoá đọc của các tầng lớp nhân dân, tổ chức và phát triển các lực lượng, mạng lưới phát hành xuất bản nhằm đảm bảo đáp ứng đầy đủ, đúng đối tượng và địa bàn, đặc biệt quan tâm vùng vùng sâu, vùng xa và vùng đặc biệt khó khăn. Thường xuyên kiểm tra, kịp thời phát hiện, ngăn chặn việc lưu hành trái phép các xuất bản phẩm (ấn phẩm in lậu, ấn phẩm có nội dung không đảm bảo, ấn phẩm chất lượng thấp...) nhằm đáp ứng tốt nhu cầu hưởng thụ các ấn phẩm đảm bảo cả về nội dung và hình thức.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin, tuyên truyền đối ngoại, quảng bá, giới thiệu về hình ảnh, chính sách, môi trường đầu tư, truyền thống lịch sử, văn hóa, tiềm năng thế mạnh phát triển kinh tế, những thành tựu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Bưu chính, viễn thông

- Định hướng cho các doanh nghiệp nâng cao chất lượng các tuyến đường thư nhằm rút ngắn hành trình phát thư, báo, đặc biệt rút ngắn thời gian phát thư, báo (chú trọng báo Đảng) ở các xã vùng sâu, vùng xa. Bảo đảm an toàn tuyệt đối dịch vụ bưu chính phục vụ sự chỉ đạo điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước. Thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, chuyển trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI; hỗ trợ, hướng dẫn người dân trong việc đăng ký trực tuyến đối với dịch vụ hành chính công mức 3, 4. Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích và các văn bản pháp luật liên quan trong quản lý hoạt động bưu chính chuyển phát.

- Tăng cường quản lý việc xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng và chất lượng dịch vụ viễn thông theo Quy hoạch ngành và quy định pháp luật. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng cố định và băng rộng di động công nghệ 4G, 5G trên địa bàn toàn huyện; duy trì số lượng thuê điện thoại cố định hiện có nhằm bảo đảm thông tin liên lạc huyện.

- Nâng cao chất lượng các dịch vụ bưu chính, viễn thông và truyền hình cáp; nâng cao chất lượng và mở rộng vùng phủ sóng mạng thông tin di động 4G, 5G đến các địa bàn toàn huyện, nhất là phủ sóng cho vùng sâu, vùng xa. Đẩy mạnh tốc độ phổ cập các dịch vụ BCVT tới vùng sâu, vùng xa. Đẩy mạnh thanh toán điện tử bằng tài khoản viễn thông.

- Tăng cường sử dụng chung cơ sở hạ tầng mạng viễn thông; triển khai kế hoạch ngầm hóa, treo lại cáp để tăng mỹ quan, an toàn đô thị. Triển khai các kế hoạch viễn thông công ích; đảm bảo thông tin liên lạc trong phòng chống giảm nhẹ thiên tai; thông tin liên lạc trong những tình huống khẩn cấp.

- Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình huyện tăng thời lượng chương trình truyền thanh, truyền hình cơ sở, nội dung đa dạng, phong phú đáp ứng nhu cầu người nghe, xem.

3. Công nghệ thông tin

- Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số, tập trung lựa chọn ưu tiên để thực hiện chuyển đổi số một cách toàn diện từ chính quyền, doanh nghiệp đến người dân, xã hội nhằm tiết kiệm được nguồn lực và đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Xây dựng kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực ICT phục vụ cho chuyển đổi số.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện kết nối liên thông các hệ thống thông tin, hạ tầng cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của địa phương, doanh nghiệp; chia sẻ dữ liệu số, bảo vệ dữ liệu cá nhân, định danh và xác thực điện tử cho cá nhân, tổ chức phục vụ cho đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng chính quyền điện tử, kinh tế số.

- Khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin đã được đầu tư, tiếp tục triển khai các hệ thống thông tin phục vụ tích hợp, chia sẻ và liên thông các hệ thống thông tin trong huyện, tỉnh và Trung ương.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các ngành các cấp, doanh nghiệp người dân tại địa phương về bảo vệ an toàn an ninh thông tin trên môi trường mạng. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an toàn, an ninh mạng; thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Tăng cường triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống, phần mềm, hạ tầng ứng dụng CNTT tại huyện. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, diễn tập công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Kiện toàn hệ thống các đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin.

4. Công tác thanh, kiểm tra

Đẩy mạnh hoạt động thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, trong đó đặc biệt chú ý thanh tra, kiểm tra trên một số lĩnh vực gây nhiều bức xúc, dư luận có nhiều ý kiến và cần phải chấn chỉnh như: Bưu chính chuyển phát, dịch vụ games online; thuê bao di động trả trước; trang thông tin điện tử cá nhân và tổng hợp; kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng; hoạt động quảng cáo; truyền hình trả tiền. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp công dân và các văn bản hướng dẫn thi hành; thực hiện tốt công tác tiếp dân, xử lý đơn thư; tiếp tục rà soát, giải quyết các vụ tồn đọng, phức tạp; giải quyết kịp thời các vụ việc mới phát sinh, góp phần ổn định an ninh trật tự, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2022

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2022

1. Đối với cơ quan nhà nước

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của Nhà nước đến người dân tạo sự ủng hộ trong việc phát triển hạ tầng ngành thông tin và truyền thông; khuyến khích các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông sử dụng chung hạ tầng, tiết kiệm chi phí, đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu đã đề ra.

- Tích cực tuyên truyền lợi ích của Internet, của ứng dụng công nghệ thông tin tới các cơ quan, doanh nghiệp, cán bộ công chức, viên chức, người dân để sử dụng có hiệu quả, tăng số lượng thuê bao Internet và tỷ lệ người dân được tiếp cận Internet hướng tới Chính phủ điện tử, công dân điện tử.

- Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra các doanh nghiệp trong việc chấp hành các quy định của nhà nước trong kinh doanh, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các doanh nghiệp.

- Thực hiện tốt cải cách hành chính theo cơ chế một cửa, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Đối với doanh nghiệp

- Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển theo đúng các quy định của Nhà nước, quan tâm đến lợi ích của doanh nghiệp, người dân và cộng đồng. Phát triển hạ tầng đến vùng xa, vùng khó khăn của tỉnh, huyện, khai thác có hiệu quả hệ thống hạ tầng, thiết bị đã được trang bị.

- Triển khai có hiệu quả các dự án đầu tư đã được duyệt, triển khai một cách đồng bộ, có hiệu quả công nghệ 4G, 5G đầu tư có chiều sâu với công nghệ tiên tiến, triển khai các dịch vụ mới đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của nhân dân trong huyện.

- Giữ vững và phát huy hiệu quả hoạt động của các điểm bưu điện văn hóa xã phục vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, triển khai các dịch vụ mới, nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính, chuyển phát truyền thống.

- Nâng cao khả năng cạnh tranh, hợp tác kinh doanh trên tinh thần bình đẳng, cùng có lợi, đảm bảo lợi ích cho người tiêu dùng và doanh nghiệp; thực hiện tốt các chỉ tiêu chất lượng dịch vụ đã đăng ký, phấn đấu giảm giá cước dịch vụ phục vụ người tiêu dùng một cách tốt nhất.

IV. KINH PHÍ

- Kinh phí thực hiện công tác Quản lý nhà nước về lĩnh vực thông tin và truyền thông, phát thanh truyền hình được trích từ kinh phí hoạt động thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

- Việc đầu tư phát triển hạ tầng bưu chính viễn thông để đảm bảo đạt được các nhiệm vụ, chỉ tiêu nói trên được thực hiện từ nguồn vốn của các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông đóng trên địa bàn huyện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa và Thông tin

- Đôn đốc các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện thực hiện tốt Quy chế Quản lý, vận hành, sử dụng và đảm bảo an toàn thông tin mạng truyền số liệu chuyên dùng; thực hiện trao đổi văn bản điện tử theo lộ trình bắt buộc; Quy chế Vận hành, khai thác và quản lý hệ thống một cửa điện tử; Quy định Quản lý hệ thống thông tin phục vụ hành chính công.

- Tham mưu cho UBND huyện dành nguồn kinh phí triển khai quy hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, trước mắt triển khai một số dự án quan trọng về phát triển hạ tầng công nghệ thông tin; ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng, nhà nước; phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin.

- Hướng dẫn, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thực hiện tốt Quy chế Phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện;

- Tuyên truyền, phổ biến các văn bản trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, hướng dẫn các doanh nghiệp, các nhà khai thác và cung cấp dịch vụ thực hiện tốt các quy định của Nhà nước trong hoạt động kinh doanh.

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức các lớp tập huấn công tác quản lý nhà nước cho cán bộ, công chức có liên quan, đặc biệt là đội ngũ cán bộ thông tin và truyền thông tại cơ sở.

- Tham mưu tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, liên ngành.

- Bố trí cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo về quản lý nhà nước, các lớp tập huấn nghiệp vụ chuyên môn; động viên cán bộ, công chức, viên chức tham gia các khóa học tự túc (hoặc có hỗ trợ một phần kinh phí) tại các trường để hoàn thiện và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Trung tâm Văn hoá – Truyền thanh – Truyền hình

- Bám sát các nhiệm vụ của huyện tuyên truyền phản ánh kịp thời các hoạt động của huyện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xây dựng Đảng, chính quyền, quốc phòng - an ninh, văn hoá - xã hội. Đưa tin phản ánh các điển hình tiên tiến, các phong trào của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện thi đua phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, đưa các Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Tăng thêm số buổi phát sóng nhất là phát thanh, đồng thời mở thêm một số chuyên mục mới, tăng thêm thời lượng phát sóng, mở thêm

một số chuyên mục đáp ứng nhu cầu tìm hiểu và giải trí của nhân dân. Tiếp tục cải tiến nâng cao chất lượng nội dung chương trình phát sóng.

- Chủ động tham mưu công tác nâng cấp cơ sở vật chất tại các đài truyền thanh cơ sở, tăng cường công tác biên soạn tin bài, xây dựng chương trình phóng sự gắn với công tác xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

3. Các doanh nghiệp thông tin và truyền thông trên địa bàn

3.1. Đối với các doanh nghiệp bưu chính

- Đẩy mạnh các hoạt động của Điểm Bưu điện văn hóa xã, phát triển các loại hình dịch vụ, tăng cường hoạt động đọc sách, báo; phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện tốt tiêu chí nông thôn mới.

- Triển khai có hiệu quả dịch vụ chi trả lương hưu và trợ cấp bảo hiểm qua hệ thống bưu điện tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Chú trọng công tác nâng cấp và xây mới điểm phục vụ bưu chính trên địa bàn huyện đặc biệt là cơ sở vật chất Bưu điện văn hóa xã.

3.2 Đối với các doanh nghiệp viễn thông

- Triển khai đầy đủ các quy định của Nhà nước đến các phòng ban, đơn vị, các đại lý, điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Có chính sách phát triển kinh doanh hợp lý với từng địa phương, từng vùng, phát huy tối đa nguồn lực của doanh nghiệp.

- Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các cơ quan chuyên môn của địa phương trong việc phát triển hạ tầng theo quy hoạch chung và quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh, của huyện. Tích cực, chủ động hợp tác trong việc dùng chung cơ sở hạ tầng đảm bảo tiết kiệm đầu tư, cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng cùng có lợi.

- Quản lý, khai thác có hiệu quả mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn huyện theo quy định.

- Thực hiện tiêu chí nông thôn mới ngành thông tin và truyền thông đến 100% các xã trên địa bàn huyện với chất lượng dịch vụ tốt nhất.

4. Các cơ quan, đơn vị liên quan

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, tổ chức thực hiện tốt theo kế hoạch này. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch phát triển các lĩnh vực ngành Thông tin Truyền thông của UBND huyện Tuần Giáo năm 2022. Đề nghị các cơ quan chuyên

môn, các doanh nghiệp Bưu chính viễn thông đóng trên địa bàn huyện tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, đạt hiệu quả cao.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc, đề nghị liên hệ với UBND huyện (qua phòng Văn hoá và Thông tin: SĐT 0215.3862.331) để phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- TT HU- TT. HĐND huyện;
- Các phòng ban chuyên môn thuộc UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các DN bưu chính viễn thông trên địa bàn huyện;
- Lưu: VT, VHTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mùa Va Hồ

PHỤ LỤC
DỰ BÁO KHẢ NĂNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2021
 (Kèm theo kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 6 năm 2021 của UBND
 huyện Tuần Giáo)

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Thực hiện 6 tháng 2021	Ước thực hiện cả năm 2021	So sánh ước thực hiện năm 2021 với thực hiện năm 2020 (%)	So sánh thực hiện 6 tháng với ước thực hiện cả năm (%)
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=5/6
A	Bưu chính - Viễn thông						
I	Bưu chính						
1	Tổng số điểm phục vụ bưu chính	Điểm	22	22	22	100	100
	Số điểm Bưu điện VHX	Điểm	16	18	18	112,5	100
	Số điểm phục vụ bưu chính khác	Điểm	5	4	4	100	100
2	Tỷ lệ xã có điểm Bưu điện VHX	%	88,8	100	100	100	100
3	Số dân phục vụ bình quân	Người/điểm	4.300	4.300	4.300	100	100
4	Bán kính phục vụ bình quân	Km/điểm	4	4	4	100	100
5	Tổng doanh thu dịch vụ bưu chính	Triệu đồng	2.400	1.320	2.700	112,5	48
II	Viễn thông						
I	Hạ tầng viễn thông	Thuê bao					
6	Cáp quang kéo đến khu vực có dân cư sinh sống, làm việc	%	80	80	85	106	94
7	Tỷ lệ sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (Giữa các ngành, các doanh nghiệp VT với nhau)	%	13	13	13		
8	Ngầm hóa hạ tầng mạng cáp ngoại vi trên toàn tỉnh (Tập trung chủ yếu tại các khu đô thị, yêu cầu cao về mỹ quan)	%	80	80	80	100	100
9	Tỷ lệ khu vực có dân cư sinh sống, làm việc được phủ sóng TTDD mạng 4G, 5G	%	65	70	70	107	100
10	Số trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS)	Vị trí trạm	87	88	90	103	97.7
II	Thuê bao điện thoại						
11	Số thuê bao điện thoại di động trên 100 dân	Thuê bao/100 dân	61,8	62,4	68,8		

12	Tổng số thuê bao điện thoại	Thuê bao	52.050	55.572	61.935	118,99	89,7
13	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng tiêu dùng dữ liệu	%	66	67	79		
III	Thuê bao Internet						
14	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng	%	28,6	30,3	33,2		
15	Số thuê bao Internet băng rộng cố định mặt đất	Thuê bao	5.158	5.471	5.990	116,1	91,3
16	Tỷ lệ người sử dụng Internet	%					
17	Lưu lượng sử dụng dịch vụ dữ liệu di động bình quân đầu người trên 1 năm	GB	21	11	25		
18	Tổng số thuê bao Internet băng rộng di động mặt đất	Thuê bao	18.130	18.500	21.000	115,8	88,1
19	Tỷ lệ hộ gia đình có thể kết nối Internet băng rộng cố định	%	70	83	85		
IV	Doanh thu viễn thông						
20	Tổng doanh thu các dịch vụ viễn thông + Internet	Triệu đồng	48.905	24.783	52.321		
B	Báo chí- xuất bản, Phát thanh - Truyền hình						
I	Báo chí - Xuất bản						
21	Số cơ sở in, photocopy, cơ sở phát hành xuất bản	Cơ sở	16	16	16		
22	Doanh thu hoạt động xuất bản, in, phát hành	Triệu đồng	3.120	1.630	3.215		
II	Phát thanh						
23	Số xã, phường, thị trấn có đài truyền thanh	Xã	8	8	8	100	100
24	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có đài truyền thanh	%	44,4	44,4	44,4	100	100
25	Thời lượng chương trình tự sản xuất/ngày	Giờ	6.570	3285	6.570	100	50
26	Thời lượng chương trình tự sản xuất mới/ngày	Giờ	6.570	3285	6.570	100	50
27	Số Chương trình phát thanh sản xuất mới ở cơ sở cấp huyện		365	129	365	100	35,5
III	Truyền hình						
28	Tỷ lệ hộ được xem Đài truyền hình tỉnh	%	95	99,7	100		
29	Thời lượng chương trình tự sản xuất/ngày	Giờ	12	6	12	100	100
30	Thời lượng chương trình tự sản xuất mới/ngày	Giờ	12	6	12	100	100
C	Công nghệ thông tin						
31	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng						
	Cấp tỉnh	%					
	Cấp huyện	%	100	100	100	100	100
	Cấp xã	%	100	100	100	100	100
32	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ	DVC	1.483	917			

	sơ của DVC trực tuyến mức độ 3, 4						
33	Tỷ lệ hệ thống CNTT của cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện được giám sát đảm bảo an toàn thông tin mạng và triển khai giải pháp phòng chống mã độc	%	100	100	100	100	100

PHỤ LỤC
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH NĂM 2022

(Kèm theo kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 6 năm 2021 của UBND huyện Tuần Giáo)

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Kế hoạch năm 2022	So sánh Kế hoạch 2022 với thực hiện năm 2021 (%)
1	2	3	4	5	6=5/4
A	Bưu chính - Viễn thông				
I	Bưu chính				
1	Tổng số điểm phục vụ bưu chính	Điểm	22	22	100
	<i>Số điểm Bưu điện VHX</i>	<i>Điểm</i>	18	18	100
	<i>Số điểm phục vụ bưu chính khác</i>	<i>Điểm</i>	4	4	100
2	Tỷ lệ xã có điểm Bưu điện VHX	%	100	100	100
3	Số dân phục vụ bình quân	Người/điểm	4.300	4.300	100
4	Bán kính phục vụ bình quân	Km/điểm	4	4	100
5	Tổng doanh thu dịch vụ bưu chính	Triệu đồng	2.700	3.000	111,1
II	Viễn thông				
I	Hạ tầng viễn thông	Thuê bao			
6	Cấp quang kéo đến khu vực có dân cư sinh sống, làm việc	%	85	90	105
7	Tỷ lệ sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (Giữa các ngành, các doanh nghiệp VT với nhau)	%	10	20	200
8	Ngầm hóa hạ tầng mạng cấp ngoại vi trên toàn tỉnh (Tập trung chủ yếu tại các khu đô thị, yêu cầu cao về mỹ quan)	%	80	90	112,5
9	Tỷ lệ khu vực có dân cư sinh sống, làm việc được phủ sóng TTDĐ mạng 4G, 5G	%	70	80	114,2
10	Số trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS)	Vị trí trạm	90	94	104
II	Thuê bao điện thoại				
11	Số thuê bao điện thoại di động trên 100 dân	Thuê bao/100 dân	68,8	70	
12	Tổng số thuê bao điện thoại	Thuê bao	61.935	64.000	
13	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng tiêu dùng dữ liệu	%	79	80	
III	Thuê bao Internet				
14	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng	%	33,2	36	
15	Số thuê bao Internet băng rộng cố định mặt đất	Thuê bao	5.990	6.500	108
16	Tỷ lệ người sử dụng Internet	%			
17	Lưu lượng sử dụng dịch vụ dữ liệu di động bình quân đầu người trên 1 năm	GB	25	30	102
18	Tổng số thuê bao Internet băng rộng di động mặt đất	Thuê bao	21.000	25.000	119

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Kế hoạch năm 2022	So sánh Kế hoạch 2022 với thực hiện năm 2021 (%)
19	Tỷ lệ hộ gia đình có thể kết nối Internet băng rộng cố định	%	85	87	
IV	Doanh thu viễn thông				
20	Tổng doanh thu các dịch vụ viễn thông + Internet	Triệu đồng	52.321	55.000	
B	Báo chí- xuất bản, Phát thanh - Truyền hình				
I	Báo chí - Xuất bản				
21	Số cơ sở in, photocopy, cơ sở phát hành xuất bản	Cơ sở	16	18	112,5
22	Doanh thu hoạt động xuất bản, in, phát hành	Triệu đồng	3.215	4.000	
II	Phát thanh				
23	Số xã, phường, thị trấn có đài truyền thanh	Xã	8	10	125
24	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có đài truyền thanh	%	44,4	55,5	125
25	Thời lượng chương trình tự sản xuất/ngày	Giờ	6.570	6.570	100
26	Thời lượng chương trình tự sản xuất mới/ngày		6.570	6.570	100
27	Số Chương trình phát thanh sản xuất mới ở cơ sở cấp huyện		365	365	100
III	Truyền hình				
28	Tỷ lệ hộ được xem Đài truyền hình tỉnh	%	100	100	100
29	Thời lượng chương trình tự sản xuất/ngày	Giờ	12	12	100
30	Thời lượng chương trình tự sản xuất mới/ngày	Giờ	12	12	100
C	Công nghệ thông tin				
31	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng				
	Cấp tỉnh	%			
	Cấp huyện	%	100	100	100
	Cấp xã	%	100	100	100
32	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ của DVC trực tuyến mức độ 3, 4	DVC			
33	Tỷ lệ hệ thống CNTT của cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện được giám sát đảm bảo an toàn thông tin mạng và triển khai giải pháp phòng chống mã độc	%	100	100	100